

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG KHỐI DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TỈNH BẮC NINH

Trần Hồng Nhạn

Khoa Thống kê – Trường Cao đẳng Thống kê

Email: tranhongnhan8577@gmail.com

Ngày nhận: 15/9/2016

Ngày nhận bản sửa: 8/10/2016

Ngày duyệt đăng: 18/10/2016

Tóm tắt:

Trong giai đoạn 2010-2014, hiệu quả sử dụng lao động của tỉnh Bắc Ninh đã và đang từng bước được nâng cao, năng suất lao động gia tăng, mức trang bị tài sản cố định bình quân lao động tăng về quy mô và chất lượng, thu nhập của người lao động được cải thiện góp phần thúc đẩy kinh tế trong tỉnh phát triển, đặc biệt là hiệu quả sử dụng lao động trong khối ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT). Trong bài viết, tác giả đưa ra hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả theo giá so sánh năm 2010 nhằm đảm bảo tính so sánh. Dựa vào kết quả phân tích cho thấy, thực trạng các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ chủ yếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), hiệu quả sử dụng lao động có xu hướng tăng từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm vào năm 2014. Trong năm 2014, hiệu quả sử dụng lao động trong các doanh nghiệp có dấu hiệu giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau như quy mô lao động giảm, môi trường chính sách có nhiều thay đổi...

Từ khóa: Bắc Ninh, công nghiệp hỗ trợ, hiệu quả sử dụng lao động.

Labor use efficiency in supporting industrial business sector in Bac Ninh province

Abstract:

In the period 2010-2014, the efficiency of labor use in Bac Ninh province has been gradually improved, labor productivity increased, level of fixed asset equipment per worker increased both in size and quality, income of employers has been improved, which then contributed to the economic development of the province, especially the efficiency of labor use in supporting industrial business sector. In the writing, the author provided a system of indicators to assess the effectiveness in comparative prices in 2010 in order to ensure comparability. The results of the analysis showed that the situation of supporting industrial enterprises mainly foreign direct investment (FDI), the efficiency of labor use tended to increase in the years 2010-2013 and dropped in 2014. In 2014, the efficiency of labor use in the enterprises decreased due to some different causes, such as employer scale reduction, policy environment changes.

Keywords: Bac Ninh, supporting industry, labor use efficiency.

1. Giới thiệu

Việt Nam đang dần hòa nhập với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới với hướng đi phát triển công nghiệp hóa hiện đại hóa nhằm thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa, tăng tính chuyên môn hóa trong sản xuất của các ngành nghề và lĩnh vực khác

n nhau. Đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp với hệ thống trang bị máy móc hiện đại, cơ sở hạ tầng được mở rộng đã và đang thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài đến với Việt Nam. Sự giàu có của một quốc gia phụ thuộc vào năng suất hay giá trị tạo ra trong một ngày lao động (Micheal Porter, 1990), quan điểm

trên nhấn mạnh đến việc sử dụng hiệu quả các yếu tố nguồn lực, trong đó có hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của quốc gia, đây là những yếu tố góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Nhận thức được vai trò đó, Bắc Ninh đã và đang trở thành điểm sáng trong lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt CNHT với việc thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn FDI và lực lượng lao động ở trong và ngoài tỉnh đến với Bắc Ninh. Nguồn lao động đa dạng và phong phú, tuy nhiên cần xem xét đánh giá hiệu quả sử dụng lao động trong khối doanh nghiệp CNHT nhằm nêu lên thực trạng sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra hệ thống giải pháp điều chỉnh nâng cao chất lượng nguồn lao động cho phù hợp với nhu cầu, nâng cao hiệu quả sản xuất, thúc đẩy CNHT phát triển theo hướng bền vững.

2. Khái niệm công nghiệp hỗ trợ

Công nghiệp hỗ trợ ở đây được hiểu là một nhóm các hoạt động công nghiệp cung cấp các đầu vào trung gian (gồm linh kiện, phụ tùng và công cụ để sản xuất ra các linh kiện phụ tùng này) cho công nghiệp lắp ráp và công nghiệp chế biến (Kenichi, 2007). Trong đó, linh kiện là mỗi bộ phận hay chi tiết của bộ phận trong một máy thuộc kỹ thuật điện, điện tử. Phụ tùng là bộ phận nhỏ của một vật thể, có thể thay thế được khi hỏng hay mòn. Công cụ là tư liệu lao động, không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định; công cụ lao động tác động trực tiếp vào đối tượng lao động, công cụ lao động giữ vai trò quyết định trong quá trình sản xuất. Phân loại công nghiệp hỗ trợ được dựa trên công dụng sản phẩm, nguyên vật liệu chính và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, đồng thời kết hợp Quyết định số 9028/QĐ-BCT “Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” của Bộ Công Thương, CNHT được phân loại dựa trên 4 lĩnh vực chính như sau: lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may - da giày; lĩnh vực linh kiện phụ tùng; lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ khác.

3. Hiệu quả sử dụng lao động trong khối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tỉnh Bắc Ninh

Theo số liệu điều tra doanh nghiệp của tỉnh, tính đến hết năm 2014, toàn tỉnh có là 312 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ với quy mô chủ yếu khoảng 200 lao động trong một doanh nghiệp.

Có sự khác biệt rất lớn về quy mô lao động giữa các loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp tư nhân có quy mô lao động dưới 50 người, trong khi đó, các doanh nghiệp FDI có quy mô lao động chủ yếu từ 200-1.000 lao động, có những doanh nghiệp FDI có quy mô lao động lên đến 5.000 lao động; lĩnh vực hoạt động sản xuất chủ yếu của các doanh nghiệp FDI là điện - điện tử chiếm 88,7% trong tổng số các doanh nghiệp hỗ trợ trên địa bàn. Trong khi đó, loại hình công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn có vốn nhà nước trên 50%; doanh nghiệp nhà nước liên doanh với nước ngoài và doanh nghiệp khác liên doanh với nước ngoài có số lao động chiếm tỷ lệ chưa đến 1% trong tổng số lao động của lĩnh vực hỗ trợ. Điều đó cho thấy sự yếu thế của các doanh nghiệp trong nước trong hoạt động sản xuất các sản phẩm phụ trợ, phản ánh mối liên hệ, hợp tác, liên kết, chia sẻ, trao đổi giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước là rất thấp. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNHT vẫn chủ yếu là các doanh nghiệp FDI với quy mô vốn trên 10 tỷ (chiếm 86%). Khu vực FDI không chỉ lớn mạnh về quy mô mà các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả rất cao, giá trị sản xuất năm 2015 (theo giá so sánh 2010) đạt 562,225 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 92% trong tổng giá trị sản xuất toàn ngành và tăng 10,6% so với năm 2014. Sự lớn mạnh của các doanh nghiệp FDI một phần là do tỉnh đã có nhiều chính sách thúc đẩy hoạt động kinh tế phát triển, đặc biệt là nhiều chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo báo cáo PCI năm 2014 có đến 53% các doanh nghiệp cho rằng tỉnh có sự ưu tiên giải quyết các vấn đề khó khăn cho doanh nghiệp nước ngoài hơn là doanh nghiệp trong nước, cao hơn rất nhiều so với trung bình chung của cả nước là 23,86%, tỉnh luôn tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai đối với doanh nghiệp FDI, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp FDI, thủ tục nhanh chóng đơn giản và hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh. Tuy nhiên, để CNHT thực sự phát triển bền vững ngoài việc thu hút FDI tỉnh cần có nhiều sự quan tâm hơn đến các doanh nghiệp trong nước, có nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp FDI chuyển giao công nghệ nhằm thúc đẩy sản xuất trong tỉnh phát triển bền vững hơn.

Để có thể so sánh, đánh giá hiệu quả sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, tác giả dựa vào điều tra doanh nghiệp hàng năm, nghiên cứu 30 doanh nghiệp CNHT từ năm 2010-

Bảng 1: Hiệu quả sử dụng lao động trong khối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2010-2014

Đơn vị: Triệu đồng/người/năm

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Năng suất lao động theo giá trị tăng thêm	88,97	118,60	282,89	259,05	227,89
Năng suất lao động theo doanh thu thuần	379,74	524,28	782,37	881,80	825,38
Năng suất lao động theo giá trị sản xuất	394,95	530,22	854,53	943,28	917,46
Mức trang bị tài sản cố định cho lao động sản xuất	262,64	190,61	222,93	229,82	286,11
Thu nhập bình quân một lao động	35,89	38,65	56,41	64,55	54,62
Tỷ trọng thu nhập người lao động trong giá trị tăng thêm thuần (%)	55,4	40,24	28,04	35,27	37,87

Nguồn: Cục Thống kê Bắc Ninh

2014, với lý do năm 2010 tỉnh có 63 doanh nghiệp hỗ trợ, trong 5 năm có một số doanh nghiệp giải thể, sáp nhập... Hệ thống chỉ tiêu phân tích dựa trên *Giáo trình thống kê doanh nghiệp* (Phạm Ngọc Kiểm & cộng sự, 2009), thống kê công nghiệp của khoa Thống kê trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Nguyễn Công Nhựt, 2004) và được tính theo giá so sánh năm 2010.

Các doanh nghiệp hỗ trợ ở giai đoạn này có xu hướng mở rộng quy mô sản xuất, tăng cường sử dụng có hiệu quả các yếu tố đầu vào, đặc biệt là yếu tố lao động bằng việc mở rộng quy mô lao động với lượng tăng bình quân năm đạt 2.617 người, nhưng mức tăng có chiều hướng giảm dần, tăng mạnh nhất ở năm 2011 với mức tăng 3.717 người, đến năm 2012 quy mô lao động chỉ tăng 2.727 người và tăng thấp nhất ở năm 2014 là 1.709 người. Lực lượng lao động được huy động nhiều vào quá trình sản xuất là do CNHT của tỉnh vẫn đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển, với lợi thế của tỉnh về nguồn lao động dồi dào, chủ yếu là lao động phổ thông, có trình độ thấp nên chi phí nhân công rẻ là những ưu tiên hàng đầu của các doanh nghiệp khi đến đầu tư. Tuy vậy, hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ không phải là tập trung vào tăng quy mô lao động,

mà cần tăng chất lượng lao động, nâng cao trình độ chuyên môn. Quy mô lao động phổ thông sẽ có xu hướng giảm xuống, tăng dần lao động chất lượng cao, có trình độ, chuyên môn kỹ thuật đồng thời mở rộng đầu tư trang bị máy móc, hệ thống công nghệ hiện đại sẽ là hướng đi chính của tỉnh trong những năm tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất. Trong những năm vừa qua, Bắc Ninh đã trở thành điểm đến của nhiều nhà đầu tư trong các lĩnh vực điện tử như: Samsung, Canon, Nokia... Quy mô lao động của các doanh nghiệp tăng mạnh ở nhóm ngành điện tử, chiếm 47% trong tổng số lao động ở năm 2010, đến năm 2014 tỷ lệ này đã lên đến 88,8% và trở thành nhóm ngành phát triển chủ lực của tỉnh. Tỉnh xác định đây là một trong những ngành được hình thành trên nền tảng công nghệ cao, thông minh, linh hoạt và trở thành ngành tiềm năng trong tương lai.

Hiệu quả sử dụng lao động của các doanh nghiệp hỗ trợ tăng, trong giai đoạn 2010-2014, năng suất lao động theo giá trị tăng thêm tăng từ 88,97 (triệu đồng/người) lên 227,89 triệu đồng/người, tốc độ tăng bình quân năm đạt 26,51%. Trong đó, năng suất lao động (theo giá trị tăng thêm) của các doanh nghiệp FDI tăng từ 90,06 (triệu đồng/người) lên 182,99 (triệu

**Bảng 2: Phân tích biến động qua thời gian hiệu quả sử dụng lao động trong
khối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2010-2014**

Đơn vị: Triệu đồng/người/năm

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
1. Năng suất lao động theo giá trị tăng thêm	88,97	118,61	282,89	259,04	227,89
- Tốc độ tăng (giảm) liên hoàn (%)		33,31	138,51	-8,43	-12,02
- Tốc độ tăng bình quân (%)	26,51				
2. Năng suất lao động theo doanh thu thuần	379,74	524,26	782,37	881,80	825,38
- Tốc độ tăng (giảm) liên hoàn (%)		38,06	49,23	12,70	-6,39
- Tốc độ tăng bình quân (%)	21,42				
3. Năng suất lao động theo giá trị sản xuất	394,95	530,22	854,53	943,28	917,46
- Tốc độ tăng (giảm) liên hoàn (%)		34,24	61,16	10,38	-2,74
- Tốc độ tăng bình quân (%)	23,46				
4. Mức trang bị tài sản cố định cho lao động sản xuất	262,64	190,61	222,94	229,83	286,11
- Tốc độ tăng (giảm) liên hoàn (%)		27,42	16,95	3,09	24,48
- Tốc độ tăng bình quân (%)	2,163				
5. Thu nhập bình quân một lao động	35,89	38,65	56,41	64,55	54,62
- Tốc độ tăng liên hoàn (%)		7,67	45,95	14,43	-15,39
- Tốc độ tăng bình quân (%)	11,06				

Nguồn: Cục thống kê Bắc Ninh

đồng/người) trong năm 2014; doanh nghiệp trong nước tăng từ 50,02 (triệu đồng/người) lên 99,47 triệu đồng/người ở năm 2014. Năng suất lao động tăng một phần do doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị cho hoạt động sản xuất, với mức trang bị tài sản cố định cho lao động tăng bình quân mỗi năm là 2,16%; một phần là do người lao động đã nâng cao được kỹ năng làm việc, tăng khả năng chuyên môn của mình trong các vị trí làm việc, phát huy được hết năng lực của bản thân trong hoạt động sản xuất. Thu

nhập cho người lao động được cải thiện với mức tăng bình quân năm đạt 11,06%, đời sống người lao động được nâng cao, tạo sự tin tưởng và gắn bó của người lao động với doanh nghiệp.

Tuy nhiên, xét theo tốc độ tăng liên hoàn thì chỉ tiêu này tăng mạnh nhất vào năm 2012 (đạt 138,5%), và giảm mạnh liên tiếp trong hai năm 2013 (giảm 8,83%) và năm 2014 (giảm 12,02%). Ngoài ra, năng suất lao động bình quân của các doanh nghiệp được tính theo chỉ tiêu giá trị sản xuất, và theo doanh thu

thuần cho thấy: năng suất lao động tính theo chỉ tiêu giá trị sản xuất tăng từ 394,95 (triệu đồng/người) ở năm 2010 lên 943,286 (triệu đồng/người) ở năm 2013; và giảm 25,82 triệu đồng/người trong năm 2014. Năng suất lao động theo doanh thu thuần có tăng từ 379,74 (triệu đồng/người) trong năm 2010 lên 881,80 (triệu đồng/người) trong năm 2013 và cũng giảm 56,41 triệu đồng/người ở năm 2014. Thu nhập người lao động theo chiều hướng giảm dần và giảm mạnh ở năm 2014 (giảm 15,39% so với năm 2013). Đặc biệt, tỷ trọng thu nhập của người lao động trong giá trị tăng thêm thuần của các doanh nghiệp giảm từ 55,4% ở năm 2010 xuống còn 37,87% ở năm 2014 cho thấy, lao động trong các doanh nghiệp CNHT hiện đang trong tình trạng dư thừa, sản xuất kinh doanh có dấu hiệu suy thoái hoặc không tăng trưởng. Trong khi đó, mức trang bị tài sản cố định cho người lao động trong những năm này vẫn gia tăng, doanh nghiệp vẫn tích cực đầu tư, mở rộng sản xuất, tăng cường trang bị máy móc hiện đại cho thấy, các doanh nghiệp đang có xu hướng tập trung sản xuất dựa trên hệ thống trang thiết bị hiện đại, giảm dần lao động chân tay, thay vào đó là lao động có trình độ và chuyên môn kỹ thuật cao. Do vậy, vấn đề cần giải quyết hiện nay chính là nâng cao chất lượng lao động trên địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của các doanh nghiệp CNHT, thúc đẩy sản xuất phát triển theo hướng tích hợp.

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng lao động

Tỉnh cần có chiến lược quy hoạch và phát triển công nghiệp hỗ trợ trong dài hạn phù hợp với thực tế hiện nay. Cải thiện chính sách cho phù hợp như

chính sách về đất đai, tạo điều kiện về mức giá thuê đất ở mức thấp và lâu dài để các doanh nghiệp có thể yên tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiến hành sản xuất. Và một trong những vấn đề quan trọng đó là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp hỗ trợ, giúp tăng năng suất lao động, sản phẩm sản xuất ra được tăng lên về quy mô và chất lượng, giảm chi phí, tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm.

Các doanh nghiệp cần nâng cao trình độ quản lý, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động, học hỏi kinh nghiệm, phương pháp và cách thức quản lý của các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh điển hình. Có như vậy chất lượng sản phẩm được đảm bảo, sản phẩm sản xuất ra đồng đều và được duy trì thường xuyên sẽ tạo uy tín, thương hiệu, thu hút nhiều công ty lắp ráp trong và ngoài nước đến liên kết sản xuất. Yếu tố người lao động cũng là một trong những yếu tố quan trọng. Nếu người lao động không có tay nghề, không được qua đào tạo thì máy móc có hiện đại đến đâu đi nữa cũng không thể tạo ra được sản phẩm có chất lượng. Do đó người lao động cần được đào tạo kỹ lưỡng, cần thường xuyên tiến hành kiểm tra, đánh giá trình độ, tay nghề của người lao động. Gắn trình độ tay nghề với mức lương thưởng thích hợp nhằm tạo động lực cho người lao động nâng cao trình độ.

Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động trong các doanh nghiệp hỗ trợ góp phần gia tăng sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp chính, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo hướng bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công Thương (2014), *Quyết định số 9028/QĐ-BCT Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, ban hành ngày 8 tháng 10 năm 2014.
- Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI (2010, 2011, 2012, 2013, 2014), *Báo cáo chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Bắc Ninh*, Bắc Ninh.
- Cục Thống kê Bắc Ninh (2010, 2011, 2012, 2013, 2014), *Điều tra doanh nghiệp hàng năm*, Bắc Ninh.
- Cục Thống kê Bắc Ninh (2015), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội Bắc Ninh năm 2015*, Bắc Ninh.
- Kenichi Ohno (2007), 'Xây dựng công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam', *Diễn đàn Phát triển Việt Nam (VDF)*, tập 1.
- Michael E. Porter (1990), *The competitive advantage of nationa Harvard business review*.
- Nguyễn Công Nhự (2004), *Thống kê công nghiệp*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Phạm Ngọc Kiểm, Nguyễn Công Nhự & Bùi Đức Triệu (2009), *Thống kê doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2015), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2015*, Hà Nội.